TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST
Ngày 23/4/2020
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lương Tuất Mạnh
2. Bà: Hoàng Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M
ĐKHKTT: Tổ dân phố P3, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở: Tổ dân phố P1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng A.
ĐKHKTT: Tổ dân phố P3, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở: Tổ dân phố P1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019 và các bản tự khai của chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 14/8/2007. Sau ngày kết hôn, vợ chồng về chung sống, hoà thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do

bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dậy con cái, cuộc sống vợ chồng thường xuyên sẩy ra bất hòa, cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn sảy ra vợ chồng đã được gia đình, anh em khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Thực tế đến nay vợ chồng không quan tâm gì nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Phạm Thị M có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Hồng A.

Đối với anh Nguyễn Hồng A vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bản thân anh đã có bản tự khai và anh cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dậy con cái, cuộc sống vợ chồng thường xuyên sẩy ra bất hòa, cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn sảy ra vợ chồng đã được gia đình, anh em khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Tại bản tự khai ngày 11/12/2019 anh Nguyễn Hồng A cũng nhất trí ly hôn với chị Phạm Thị M với lý do tình cảm vợ chồng không còn khả năng khắc phục mâu thuẫn.

Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung.

Cháu lớn: Nguyễn Phạm Hồng G - Sinh ngày: 15/3/2008;

Cháu thứ hai: Nguyễn Phạm Tố N - Sinh ngày: 15/4/2016;

Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với anh, chị tại Tổ dân phố P1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Phạm Thị M có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu Nguyễn Phạm Hồng G và cháu Nguyễn Phạm Tố N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Hồng A phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Hồng A cũng nhất trí về việc nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của chị Phạm Thị M.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có tạo dựng được một số tài sản chung. Khi ly hôn anh chị tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 14/8/2007. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị Phạm Thị M làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Hồng A là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dậy con cái, từ đó vợ chồng thường xuyên sẩy ra cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi sảy ra mâu thuẫn anh, chị đã được hai bên gia đình, anh em bạn bè tham gia khuyên giải nhưng đều không kết quả. Đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ngày 20/11/2019 chị Phạm Thị M làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Hồng A.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Hồng A vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Nguyễn Hồng A đã có bản tự khai anh cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dậy con cái, từ đó vợ chồng thường xuyên sẩy ra cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi sảy ra mâu thuẫn anh, chị đã được hai bên gia đình, anh em bạn bè tham gia khuyên giải nhưng đều không kết quả. Đến nay chị Phạm Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Hồng A nhất trí ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng không còn.

Tại phiên tòa hôm nay xét yêu cầu của chị Phạm Thị M về việc ly hôn là có căn cứ và phù hợp với các qui định tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung.

Cháu lớn: Nguyễn Phạm Hồng G - Sinh ngày: 15/3/2008;

Cháu thứ hai: Nguyễn Phạm Tố N - Sinh ngày: 15/4/2016;

Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với chị tại Tổ dân phố P1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Phạm Thị M có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu Nguyễn Phạm Hồng G và cháu Nguyễn Phạm Tố N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Hồng A phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2019 của anh Nguyễn Hồng A thì bản thân anh cũng nhất trí để chị Phạm Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Nguyễn Phạm Hồng G và cháu Nguyễn Phạm Tố N cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu của chị Phạm Thị M về việc nuôi dưỡng con chung là có căn cứ phù hợp với tâm tư nguyện vọng của các cháu và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Nên hội đồng xét xử cấn chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có tạo dựng được một số tài sản chung. Khi ly hôn anh chị tự thỏa thuận chia và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Hồng A đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với vụ án này trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hồng A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tòa án tiến hành hòa giải cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh Nguyễn Hồng A không những không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án, thường xuyên vắng mặt không có lý do, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M ly hôn với anh Nguyễn Hồng A.

2.Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Phạm Hồng G - Sinh ngày: 15/3/2008; Cháu Nguyễn Phạm Tố N - Sinh ngày: 15/4/2016 cho chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hồng A không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hồng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0009755 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B.

Xác nhận chị Phạm Thị M đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THA dân sự huyện B;*
- *UBND thị trấn P, huyện B;*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu HS – TA - VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Như Long